

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 16-7-2025

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

-Đại diện VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình U- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6/2025 và ngày 16/7/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Kiện đòi tài sản*” giữa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 giữa:

****Nguyên đơn:*** Tổng công ty cổ phần B(nay đổi tên là Tổng công ty cổ phần B1

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà L, số A, phường H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Đ vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thế A vụ: Phó Tổng giám đốc.

Theo giấy ủy quyền số 174/2023/GUQ-XT1-KSNB ngày 25/8/2023.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

-Ông Nguyễn Đức G viên Ban Kiểm soát nội bộ -Tổng công ty cổ phần B1 theo giấy ủy quyền số 158 ngày 16/6/2025 (có mặt)

****Bị đơn:*** Ông Dương Minh C năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã N (nay là xã H), tỉnh Bắc Ninh

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Công ty B2(đơn vị trực thuộc Tổng công ty Cổ phần B3 đổi tên là Công ty B4– chi nhánh B5)

Do ông Nguyễn Hoàng L vụ giám đốc Công ty B6 - Đại diện theo pháp luật (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, phường B, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện*** đề ngày 03/10/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ông Dương Minh C1 tạm ứng của Công ty B2(đơn vị trực thuộc

Tổng công ty Cổ phần B3 đổi tên là Công ty B4— chi nhánh B5) số tiền là 13.780.000 đồng (*bằng chữ: Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Ngày 02/4/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền: 3.780.000đ, Phiếu chi số 158 ngày 02/4/2011.

- Ngày 31/5/2011 tạm ứng bồi thường số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011.

- Ngày 30/12/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 615 ngày 30/12/2011.

Sau khi tạm ứng tiền, ông C2 hoàn ứng theo quy định, mặc dù Công ty B7 nhiều lần đôn đốc, và tạo điều kiện để ông C4 trả cho đơn vị số tiền trên nhưng ông C3 không trả được và tự ý nghỉ việc khi chưa có phê duyệt của người sử dụng lao động, cắt đứt liên lạc nhằm trốn trách nhiệm trả nợ.

Tại đơn khởi kiện người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Dương Minh C4 trả cho Tổng công ty Cổ phần B8 tiền tạm ứng ông Dương Minh C5 nợ là: 13.780.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết thì người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông Dương Minh C6 số tiền 8.780.000 đồng, xin rút đối với phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011 số tiền 5.000.000 đồng;

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu của mình là chỉ yêu cầu ông Dương Minh C6 số tiền 8.780.000 đồng, xin rút đối với phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011 số tiền 5.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Dương Minh C7 mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên làm việc, nhưng không lên Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa ông C7 mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nguyễn Hoàng L1 người đại diện theo uỷ quyền của Công ty B2(đơn vị trực thuộc Tổng công ty Cổ phần B3 đổi tên là Công ty B4— chi nhánh B5) trình bày: Ông Dương Minh C8 Công ty B2(trước đây là chi nhánh B5 - GMIC Btuyển dụng, ký hợp đồng lao động số 03 ngày 01/4/2011 và được giao nhiệm vụ cán bộ kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ông Dương Minh C1 tạm ứng của Công ty B2(GMIC B số tiền là 13.780.000 đồng (*bằng chữ: Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Ngày 02/4/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền: 3.780.000đ, Phiếu chi số 158 ngày 02/4/2011.

- Ngày 31/5/2011 tạm ứng bồi thường số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011.

- Ngày 30/12/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 615 ngày 30/12/2011.

Sau khi tạm ứng tiền, ông C2 hoàn ứng theo quy định, mặc dù Công ty B7 nhiều lần đôn đốc, và tạo điều kiện để ông C4 trả cho đơn vị số tiền trên nhưng ông C3 không trả được và tự ý nghỉ việc khi chưa có phê duyệt của người sử dụng lao động, cắt đứt liên lạc nhằm trốn trách nhiệm trả nợ.

Ông yêu cầu ông Dương Minh C4 trả cho Tổng công ty Cổ phần B(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) số tiền tạm ứng ông Dương Minh C5 nợ là: 8.780.000 đồng, xin rút đối với phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011 số tiền 5.000.000 đồng;

Tại phiên tòa ông L2 vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Xử: Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 194; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

* Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Dương Minh C9 trả Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: ông Dương Minh C10 phải chịu 439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) số tiền 344.500 đồng theo biên lai số 0000345 ngày 25/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Tổng công ty Cổ phần B (*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) yêu cầu ông C9 trả số tiền còn nợ, xác định quan hệ tranh chấp là “*Kiện đòi tài sản*” theo Điều 166 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là H, tỉnh Bắc Ninh). Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tổng Công ty B(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*), yêu cầu ông C9 trả số tiền còn nợ 8.780.000 đồng thì thấy: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ông Dương Minh C1 tạm ứng của Công ty B2(*đơn vị trực thuộc Tổng công ty Cổ phần B3 đổi tên là Công ty B4– chi nhánh B5*) số tiền là 13.780.000 đồng (*bằng chữ: Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Ngày 02/4/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền: 3.780.000đ, Phiếu chi số 158 ngày 02/4/2011.

- Ngày 31/5/2011 tạm ứng bồi thường số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011.

- Ngày 30/12/2011 tạm ứng chi phí kinh doanh số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số

615 ngày 30/12/2011.

Sau khi tạm ứng tiền, ông C2 hoàn ứng theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút đối với mã số tiền 5.000.000đ; Phiếu chi số 237 ngày 31/5/2011 và chỉ yêu cầu ông C9 trả số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng đối với phiếu chi số 158 ngày 02/4/2011 và phiếu chi số 615 ngày 30/12/2011. Bản thân ông Dương Minh C10 đã được Tòa án giao các văn bản của Tòa án hợp lệ, nhưng ông C2 lên Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tại Hợp đồng lao động đề ngày 01/4/2011, nhưng ở dưới ghi lại ghi ngày 06/1/2011, thực tế là ông C11 làm công ty và hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/4/2011. Như vậy, Tổng Công ty B(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) có đơn khởi kiện yêu cầu ông C9 trả số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Tổng Công ty B(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) có đơn khởi kiện yêu cầu ông C9 trả số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng. Do vậy, buộc ông C12 nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty B(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) không yêu cầu trả lãi, nên HĐXX, không xem xét, giải quyết.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) được chấp nhận, nên ông C9 chịu 439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 194; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Dương Minh C9 trả Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: ông Dương Minh C10 phải chịu 439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty B2(*Nay là Tổng công ty cổ phần B1*) số tiền 344.500 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0000345 ngày 25/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

3. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

